| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đinh Hữu Hường

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Mai Ngọc Túy

Ông Nguyễn Hữu Tiến

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị LTTH; ĐKNKTT: Số 7/893 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 7/4/40 C, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh DNK; địa chỉ: Số 7/893 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12-12-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị LTTH trình bày:

Chị LTTH và anh DNK kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng ngày 29-01-2010. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, về tính cách nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan

tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, chị LTTH cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh DNK theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là D, sinh ngày 03-02-2011. Ly hôn, chị LTTH có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị LTTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 02-6-2020, bị đơn anh DNK xác nhận quá trình chung sống vợ chồng giữa anh DNK và chị LTTH có phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân mỗi người một nơi như chị LTTH trình bày là đúng. Nay, anh DNK đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị LTTH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh DNK xác nhận vợ chồng có 01 con là D, sinh ngày 03-02-2011. Trường hợp ly hôn, anh DNK yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con D cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh DNK không yêu cầu chị LTTH phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh DNK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị LTTH ly hôn anh DNK. Về con chung: Giao con D cho chị LTTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh DNK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTTH và anh DNK kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường A, quận B, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, Quyển số 01 ngày 29-01-2010, nên quan hệ hôn nhân giữa chị LTTH và anh DNK là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị LTTH cho rằng quá trình chung sống giữa Chị và anh DNK có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Về phía anh DNK, cũng xác nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị LTTH theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh DNK đều vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa. Qua đó đánh giá rằng, anh DNK không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị LTTH và anh DNK đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị LTTH yêu cầu ly hôn với anh DNK là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con là D, sinh ngày 03-02-2011. Ly hôn, chị LTTH và anh DNK đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên. Xét thấy, chị LTTH và anh DNK đều có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định có khả năng nuôi dưỡng con; trong khi đó cháu D hiện đang sống cùng chị LTTH và nguyện vọng được ở với mẹ. Thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, giao con D cho chị LTTH nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị LTTH đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị LTTH và anh DNK không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị LTTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị LTTH ly hôn anh DNK.

2. Về con chung: Giao con D, sinh ngày 03-02-2011 cho chị LTTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị LTTH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008448 ngày 28-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị LTTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường A, quận B,
(GCN kết hôn số 17, quyển số 01, ngày 29-01-2010);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Hữu Hường**